

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Chính phủ ban hành Nghị định chính thức giảm 30% thuế thu nhập cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

CTG, PLX

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị tiếp tục nắm giữ, chỉ tăng tỷ trọng khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ quanh 895.

28/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	912.50	+0.47
VN30	863.31	+1.01
HĐTL VN30F1M	862.90	+0.94
HNXIndex	133.12	+1.22
HNX30	247.61	+1.16
UPCoM	61.78	+0.80
USD/VND	23,188	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.80	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+3
Dầu (WTI, \$)	39.94	-0.77
Vàng (LME, \$)	1,850.52	-0.59

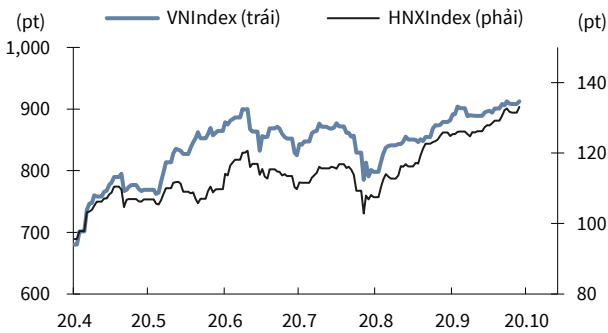


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	912.50 (+0.47%)
KLGD (triệu CP)	378.5 (+16.9%)
GTGD (triệu US\$)	312.7 (+15.5%)
HNXIndex	133.12 (+1.22%)
KLGD (triệu CP)	52.3 (+7.9%)
GTGD (triệu US\$)	28.9 (+7.0%)
UPCoM	61.78 (+0.80%)
KLGD (triệu CP)	30.2 (-29.6%)
GTGD (triệu US\$)	15.3 (-4.8%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-16.8

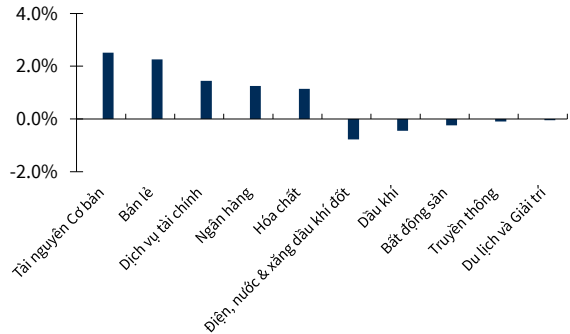
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay trước thông tin Chính phủ ban hành Nghị định chính thức giảm 30% thuế thu nhập cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá trước thông tin trên ở CTG (+3.8%), MBB (+2%). Thông tin từ lãnh đạo doanh nghiệp cho biết sản lượng xuất khẩu phân bón tăng mạnh trong quý 3 khi nhiều nước chủ trọng tăng cường đầu tư cho sản xuất nông nghiệp giúp cổ phiếu doanh nghiệp ngành này tăng mạnh ở DPM (+5.1%), DCM (+6.8%). Thông tin từ Bộ Giao thông Vận tải cho biết 3 đoạn cao tốc Bắc – Nam chuyển từ đầu tư BOT sang đầu tư công sẽ chính thức khởi công vào cuối tháng 9 giúp cổ phiếu ngành hạ tầng tăng giá ở FCN (+2.6%), HBC (+2.3%) và ngành thép tăng giá ở HPG (+2.5%), HSG (+5.6%). Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp điều chỉnh nhẹ ở ITA (-0.4%), LHG (-0.5%) sau thông tin tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài giảm 19% so với cùng kỳ. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VNM (+0.5%), VRE (-2.1%), HPG (+2.5%).

VNIndex & HNXIndex



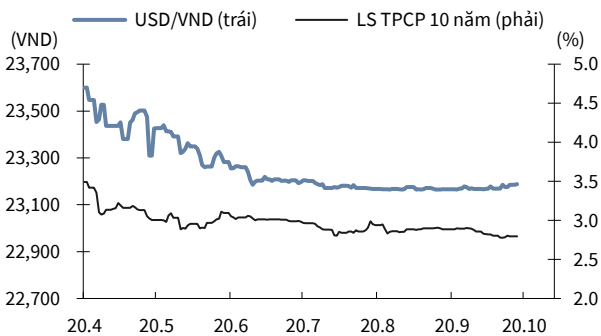
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



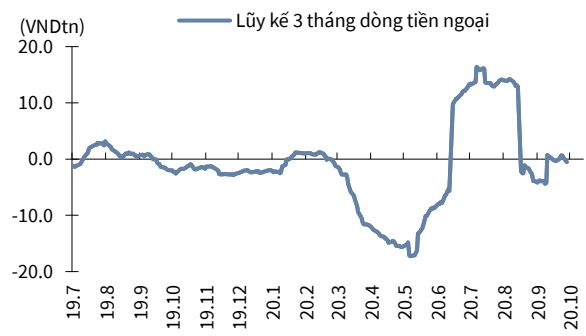
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

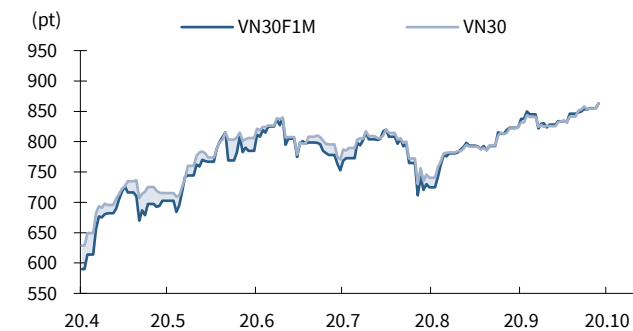
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	863.31 (+1.01%)
VN30F1M	862.9 (+0.94%)
Mở cửa	858.2
Cao nhất	862.9
Thấp nhất	856.1

HĐTL diễn biến tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở 3.99 trước khi giao động trong biên độ -4.4 và 0 và đóng cửa cuối phiên ở -0.41 khi bên LONG tăng dần vị thế. NĐTNN bán ròng nhẹ trong khi thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm trong phiên hôm nay.

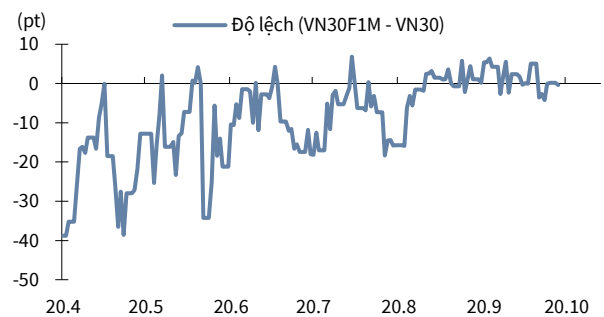
KLGD (HĐ)	92,682 (-9.1%)
------------------	-----------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



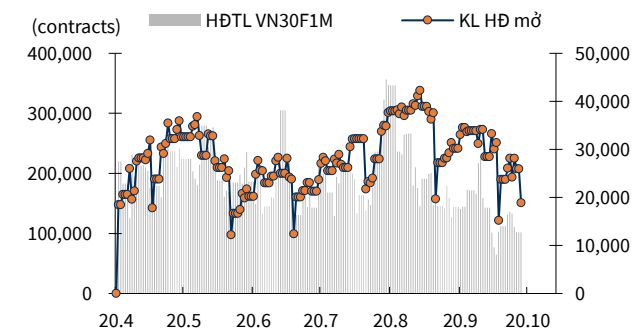
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



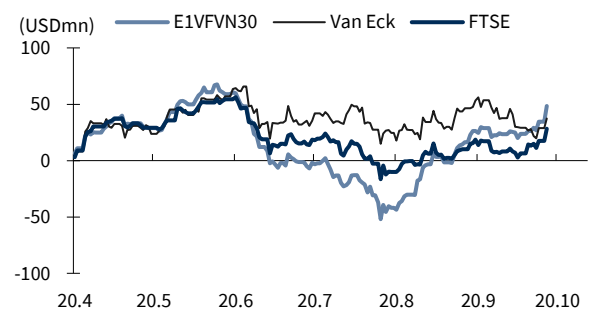
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

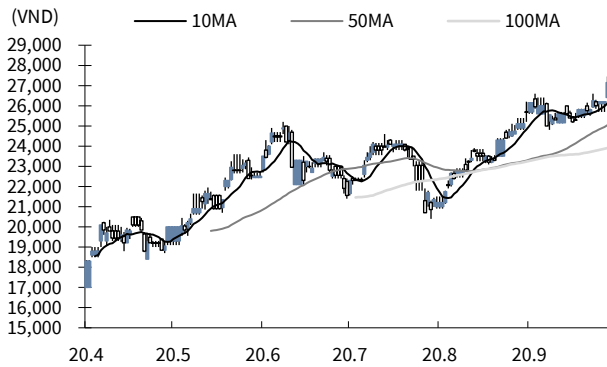
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vietinbank (CTG)

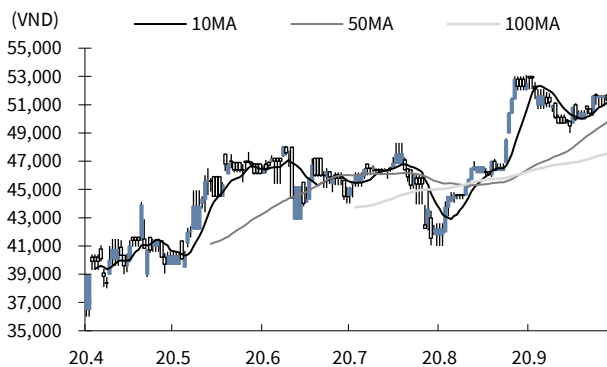


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 3.6% lên 27,150 VNĐ/cp.

- Tại buổi làm việc với đại diện NHNN, lãnh đạo CTG tiết lộ 1 số thông tin chính như: cho biết đến cuối tháng 8/2020, tổng dư nợ chịu ảnh hưởng bởi Covid-19 của ngân hàng là 288,708 tỷ đồng; đã có 9,006 tỷ đồng dư nợ được ngân hàng thực hiện cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ cho theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN; ngân hàng dự kiến cắt giảm 3,000-4,000 tỷ đồng lợi nhuận trong năm 2020 để hỗ trợ lãi suất và giảm phí, đồng hành, chia sẻ khó khăn với các khách hàng.

Petrolimex (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX giảm -0.6% xuống 51,300 VNĐ/cp.

- Trong buổi làm việc với Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC), lãnh đạo PLX cho biết sản lượng xăng dầu xuất bán trong 8 tháng ước gần 8.36 triệu m³-tấn, tương đương 73% kế hoạch năm 2020 và giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh nghiệp cũng cho biết đang lên kế hoạch bán toàn bộ cổ phiếu quỹ (xấp xỉ 75 triệu cổ phiếu) trong giai đoạn 2020-2021 để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư và phát triển.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

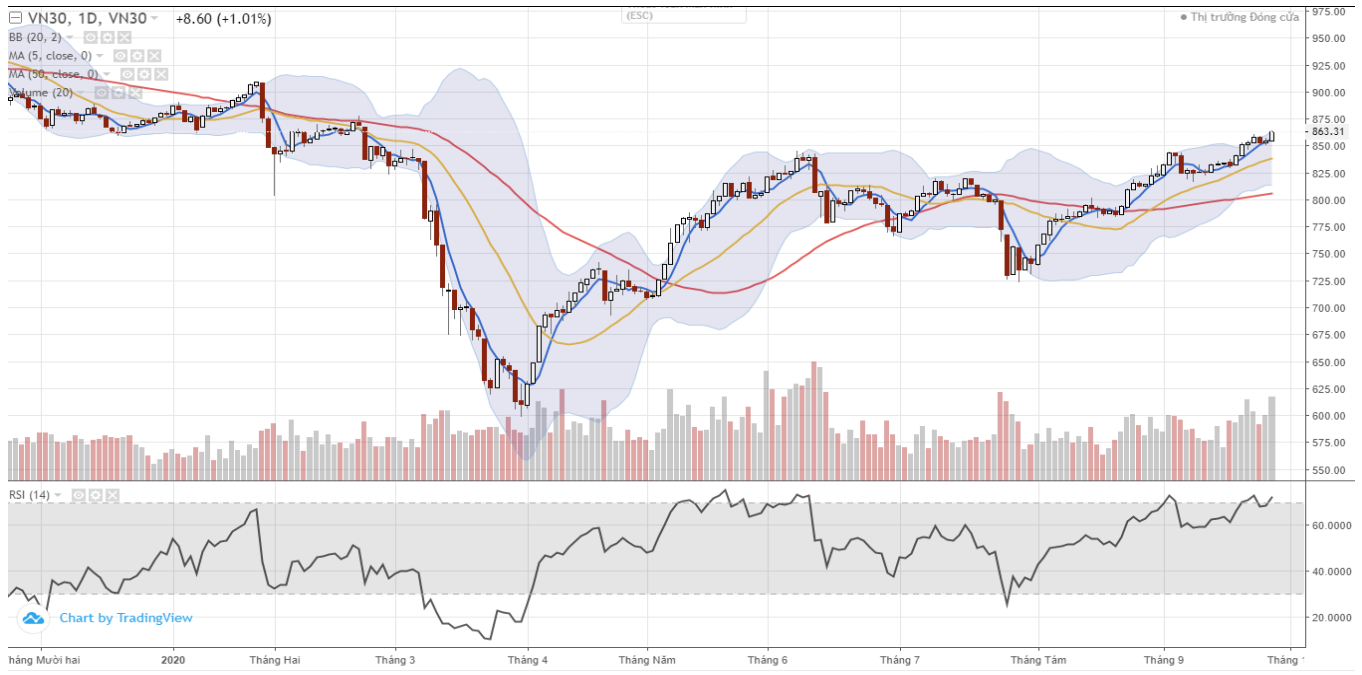
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng nhẹ với mức độ biến động khá hẹp trong phiên hôm nay.
- Mặc dù chỉ số đang duy trì xu hướng tăng điểm nhưng với đà tăng tương đối thoải, phản ánh sự phân hóa của dòng tiền. Chúng tôi cho rằng diễn biến này sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới với vùng kháng cự 93x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ, chỉ tăng tỷ trọng khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ quanh 895.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến tăng điểm tích cực với lực mua gia tăng vào cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ gặp nhiều rung lắc trong những phiên tới khi thử thách vùng kháng cự quanh 860 trong khi chỉ số động lượng RSI đang ở vùng quá mua không thuận lợi. Tuy nhiên, xu hướng tăng được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì với vùng đích tiếp theo tại quanh 880 (+5).
- NĐT được khuyến nghị có thể mở một phần vị thế SHORT ngắn intraday ở vùng giá cao trong phiên nhưng cần cover lại sớm và đảo sang LONG khi chỉ số về lại hỗ trợ.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

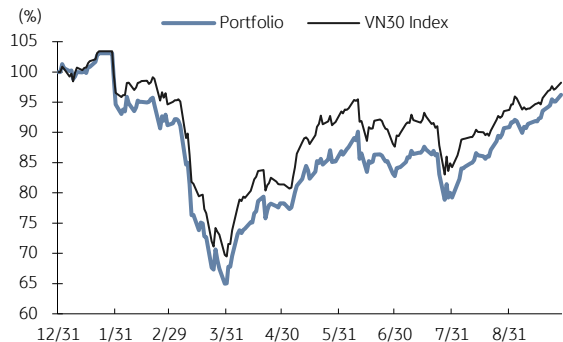
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.01%	1.20%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.79%	-3.77%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	103,000	2.5%	-11.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,600	0.4%	4.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	62,000	0.0%	-19.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,000	2.0%	1.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	40,300	-0.2%	18.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,100	0.6%	52.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,150	3.6%	11.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,500	-0.1%	-18.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,400	2.5%	35.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,300	0.7%	4.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HSG	5.6%	10.0%	27.9
FUEVFNVD	1.4%	99.9%	18.9
SSI	2.7%	49.7%	10.5
DPM	5.1%	11.9%	6.9
DGW	4.7%	27.2%	6.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.5%	58.4%	-122.3
VRE	-2.1%	30.9%	-71.0
HPG	2.5%	34.3%	-67.6
VHM	-0.7%	22.1%	-59.6
CRE	-1.2%	19.0%	-28.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.2%	9.9%	2.9
NTP	1.5%	18.9%	0.7
TIG	0.0%	15.2%	0.4
CPC	5.8%	6.2%	0.3
WCS	-1.3%	26.6%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DXP	-1.7%	34.8%	-4.3
SLS	4.4%	3.1%	-1.3
LAS	5.0%	0.9%	-0.5
PSD	2.9%	0.9%	-0.5
AMV	-1.1%	3.5%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	3.7%	MWG, DGW
Ngân hàng	3.4%	VCB, CTG
Tài nguyên Cơ bản	3.3%	HPG, HSG
Dầu khí	1.4%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-1.8%	VIC, VRE
Truyền thông	-1.5%	YEG, PNC
Xây dựng và Vật Liệu	-1.3%	TTA, CTD
Du lịch và Giải trí	-0.8%	VJC, HVN
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.3%	GAS, GEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	9.5%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	9.0%	SSI, HCM
Tài nguyên Cơ bản	8.8%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.9%	LGC, REE
Hóa chất	6.6%	GVR, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.6%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%	GAS, TTE
Dầu khí	-0.1%	PLX, PVD
Bảo hiểm	0.6%	BVH, BIC
Y tế	1.4%	PME, IMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	92,800	313,890 (13,537)	55,366 (2.4)	22.9	50.6	37.2	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	0.0	-3.3	3.2	-19.3
	VHM	VINHOMES JSC	76,600	251,977 (10,867)	162,100 (7.0)	26.9	9.3	8.2	35.0	38.5	30.8	2.9	2.2	-0.6	-0.6	-2.5	-9.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,800	63,170 (2,724)	88,904 (3.8)	18.1	24.9	18.4	2.8	9.1	11.7	2.2	2.1	-2.1	-4.0	2.2	-18.2
	NVL	NO VA LAND INVES	63,400	61,563 (2,655)	88,038 (3.8)	32.6	16.8	17.5	1.8	14.3	11.9	2.4	-	-0.2	-1.2	0.6	6.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,200	13,523 (583)	14,434 (0.6)	7.3	12.4	10.3	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	0.0	-0.6	-1.2	-5.5
	DXG	DAT XANH GROUP	10,400	5,390 (232)	39,712 (1.7)	14.1	7.6	5.1	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.6	1.5	-1.4	4.0	-28.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,000	318,963 (13,756)	112,302 (4.8)	6.5	19.0	16.0	11.6	19.7	19.1	3.2	2.7	0.0	3.6	3.1	-4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	41,300	166,109 (7,164)	60,207 (2.6)	12.5	35.3	20.4	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	1.2	1.2	1.8	-10.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,850	79,978 (3,449)	60,961 (2.6)	0.0	7.9	6.7	3.9	15.6	15.5	1.1	1.0	2.0	2.5	5.8	-3.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,150	101,090 (4,360)	135,635 (5.9)	0.0	14.6	11.9	18.7	10.2	11.4	1.3	1.2	3.6	5.4	8.2	29.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,800	58,018 (2,502)	101,831 (4.4)	0.0	7.1	6.2	5.4	17.7	16.6	1.1	1.0	2.1	1.9	0.8	19.0
	MBB	MILITARY COMMERC	20,000	48,229 (2,080)	116,083 (5.0)	0.0	6.6	5.6	8.0	18.0	17.6	1.0	0.9	2.0	5.0	11.7	-3.8
	HDB	HDBANK	31,450	30,378 (1,310)	41,295 (1.8)	9.5	7.5	6.6	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	1.0	2.4	11.5	14.2
	STB	SACOMBANK	13,800	24,890 (1,073)	184,252 (7.9)	14.5	15.3	9.7	1.6	6.8	9.0	0.9	0.8	3.8	17.4	21.6	37.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,700	19,353 (835)	29,918 (1.3)	0.0	6.8	5.3	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	0.9	0.0	6.3	12.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (912)	5,045 (0.2)	0.1	37.0	35.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.6	0.9	-1.4	-3.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,700	36,893 (1,591)	48,594 (2.1)	20.8	30.2	25.5	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	0.4	0.5	3.4	-27.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,600	2,613 (113)	11,499 (0.5)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	2.7	13.0	17.7	15.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,900	10,156 (438)	100,343 (4.3)	50.3	11.7	9.4	-16.8	9.0	10.6	1.0	0.9	2.7	2.4	11.9	8.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,800	4,766 (206)	25,392 (1.1)	71.8	10.3	8.0	-24.9	11.1	13.0	1.1	1.0	1.8	-2.7	12.9	-2.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,700	6,314 (272)	66,388 (2.9)	50.8	14.2	8.8	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	2.5	0.5	9.8	-3.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,750	2,867 (124)	15,561 (0.7)	14.6	12.4	7.8	-19.1	7.4	11.2	0.9	0.8	2.6	5.0	13.2	-4.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	128,300	223,419 (9,635)	183,491 (7.9)	41.6	21.5	20.0	6.6	37.8	38.2	7.5	6.7	0.5	-1.4	7.5	10.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,000	120,561 (5,199)	20,085 (0.9)	36.9	29.0	24.8	0.6	21.6	23.8	5.9	5.2	0.5	-1.1	3.3	-17.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,700	64,255 (2,771)	64,749 (2.8)	10.9	73.0	28.5	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.7	0.0	0.4	0.4	-3.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,000	13,303 (574)	30,033 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-0.8	-1.6	-13.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,500	55,265 (2,383)	50,320 (2.2)	12.4	-	16.0	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.1	-0.9	4.9	-27.8
	GMD	GEMADEPT CORP	23,800	7,067 (305)	15,430 (0.7)	0.0	18.2	15.8	-54.5	6.7	7.4	1.2	1.2	0.0	-0.2	3.5	2.1
	CII	HO CHI MINH CITY	18,050	4,311 (186)	26,527 (1.1)	34.7	9.1	8.4	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	0.3	-2.2	-4.7	-19.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,240	1,271 (055)	12,007 (0.5)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	4.7	4.2	0.0	-87.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,600	11,091 (478)	206,116 (8.9)	34.7	28.9	12.4	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.9	-3.9	7.0	22.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	69,200	5,279 (228)	45,425 (2.0)	2.2	9.1	9.1	-37.9	6.7	7.0	0.6	0.6	-2.9	-6.0	10.7	34.9
	REE	REE	40,300	12,495 (539)	16,424 (0.7)	0.0	8.2	7.3	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.2	-0.2	9.4	11.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,200	138,187 (5,959)	48,353 (2.1)	45.8	18.5	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-1.2	-0.8	-2.7	-22.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,500	6,765 (292)	5,905 (0.3)	30.0	9.7	9.5	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.5	-0.4	0.0	2.6	8.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,850	7,647 (330)	5,265 (0.2)	32.9	8.2	8.7	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	0.2	-1.0	0.2	-11.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	26,400	87,471 (3,772)	352,181 (15.2)	14.7	9.2	7.8	4.1	17.9	18.8	1.5	1.3	2.5	2.7	8.6	34.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,600	6,887 (297)	57,409 (2.5)	37.1	11.4	12.4	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	5.1	7.3	11.7	35.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	10,950	5,797 (250)	26,831 (1.2)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	6.8	9.6	20.2	68.5
	HSG	HOA SEN GROUP	16,100	7,154 (309)	180,387 (7.8)	39.0	8.6	8.7	45.8	14.4	12.5	1.1	1.0	5.6	15.8	41.2	116.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,598 (112)	29,131 (1.3)	97.8	5.8	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.4	1.2	-2.0	-3.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,300	62,525 (2,696)	63,278 (2.7)	3.9	49.9	18.3	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	-0.6	1.2	-1.9	-8.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,750	4,948 (213)	67,615 (2.9)	37.2	51.7	27.8	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.4	1.3	4.4	5.4	-21.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,650	3,842 (166)	28,338 (1.2)	28.9	9.0	7.8	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	3.8	10.1	20.3	-18.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	103,000	46,626 (2,011)	93,763 (4.0)	0.0	12.8	9.9	9.5	27.0	28.0	3.0	2.5	2.5	4.7	11.0	-9.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	62,000	13,958 (602)	38,226 (1.6)	0.0	15.8	13.4	-1.8	21.0	22.7	2.8	2.5	0.0	1.6	2.0	-27.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	48,250	1,424 (061)	524 (0.0)	69.3	20.3	14.8	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-0.1	-1.5	-8.8	30.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,350	1,923 (083)	18,497 (0.8)	13.3	16.3	11.0	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	-0.2	-3.8	1.0	15.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,000	7,859 (339)	55,421 (2.4)	36.0	7.4	7.1	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	-0.2	0.9	0.0	51.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	106,000	13,859 (598)	944 (0.0)	45.2	20.8	19.2	8.0	20.3	19.8	3.9	3.7	0.9	1.6	0.0	15.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	68,600	5,146 (222)	583 (0.0)	37.9	14.6	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-0.7	-1.3	0.3	26.3
IT	FPT	FPT CORP	51,100	40,058 (1,728)	84,762 (3.7)	0.0	11.5	9.9	20.1	23.8	24.8	2.4	2.2	0.6	-0.2	2.4	0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.